

NGHIÊN CỨU VỀ TỘC NGƯỜI Ở VIỆT NAM TỪ NĂM 1980 ĐẾN NAY: CÁC TỘC NGƯỜI THUỘC NHÓM NGÔN NGỮ HMÔNG - DAO VÀ HÁN - TẠNG

LÝ HÀNH SƠN

1. Đôi nét về thành phần dân tộc, dân số và sự phân bố cư trú

Theo *Danh mục các thành phần dân tộc Việt Nam*, ở nước ta có 12 tộc người nói ngôn ngữ Hmông - Dao và Hán - Tạng. Trong đó, nhóm ngôn ngữ Hmông - Dao có 3 tộc người: Hmông, Dao, Pà Thẻn; nhóm ngôn ngữ Hán có 3 tộc người: Hoa, Sán Dìu, Ngái; nhóm ngôn ngữ Tạng - Miến có 6 tộc người: Hà Nhì, Phù Lá, La Hủ, Lô Lô, Cống, Si La. Về dân số và phân bố cư trú, Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009 đã cho kết quả như sau:

- Tộc người Hmông có 1.068.189 người, phân bố cư trú ở các tỉnh dọc biên giới Việt - Trung như Cao Bằng, Hà Giang, Lào Cai, Lai Châu... và biên giới Việt - Lào từ Điện Biên đến Nghệ An, đặc biệt gần đây người Hmông còn có mặt tại các tỉnh Tây Nguyên.

- Tộc người Dao có 751.067 người, cư trú truyền thống ở hầu hết các tỉnh miền núi phía Bắc, trong đó tập trung đông ở các tỉnh Hà Giang, Cao Bằng, Tuyên Quang, Bắc Kạn, Lào Cai, Yên Bái, Lai Châu, Quảng Ninh, Lạng Sơn, Sơn La, Hòa Bình...

- Tộc người Pà Thẻn có 6.811 người, cư trú chủ yếu ở Hà Giang và Tuyên Quang.

- Tộc người Hoa có 823.071 người, phân bố cư trú ở các đô thị lớn như Thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Bình Dương, Lâm Đồng, Bình Thuận, Quảng Ninh, Hà Nội...

- Tộc người Sán Dìu có 146.821 người, cư trú chủ yếu ở các tỉnh Thái Nguyên, Quảng Ninh, Tuyên Quang, Vĩnh Phúc, Bắc Giang...

- Tộc người Ngái có 1.035 người, phân bố cư trú tại các tỉnh Thái Nguyên, Bình Thuận, và một số ít ở Hà Giang, Cao Bằng, Bắc Kạn...

- Tộc người Hà Nhì có 21.725 người, cư trú ở các tỉnh Lai Châu, Điện Biên, Lào Cai.

- Tộc người Phù Lá có 10.944 người, sinh sống ở Lào Cai, Yên Bái, Hà Giang...

- Tộc người La Hủ có 9.651 người, cư trú tập trung ở Lai Châu, Điện Biên.

- Tộc người Lô Lô có 4.541 người, cư trú ở các tỉnh Hà Giang, Cao Bằng, Lai Châu.

- Tộc người Cống có 2.029 người, sinh sống ở hai tỉnh Lai Châu và Điện Biên.

- Tộc người Si La có 709 người, cư trú tại Lai Châu và một số ít ở tỉnh Điện Biên.

Đến nay, các tộc người nói ngôn ngữ Hmông - Dao, Hán - Tạng ở Việt Nam đã

được các nhà khoa học trong và ngoài nước quan tâm nghiên cứu. Song, bởi nhiều lý do, có tộc người như Hmông và Dao đã thu hút đông đảo nhà khoa học quan tâm đến những chiều cạnh văn hóa khác nhau nên có rất nhiều ấn phẩm đã thực hiện và công bố. Trong khi, các tộc người như La Hủ, Si La, Cống lại rất ít công trình đề cập đến. Đặc biệt là tộc người Ngái, từ năm 1980 đến nay, vẫn chưa có chuyên khảo, thậm chí bài viết về tộc người Ngái. Do vậy, dưới đây, bài viết này sẽ giới thiệu sơ lược số lượng công trình về các tộc người thuộc ngôn ngữ Hmông - Dao và Hán - Tạng ở nước ta, chủ yếu là các nghiên cứu đã thực hiện từ năm 1980 đến nay¹.

2. Tình hình nghiên cứu về các tộc người thuộc nhóm ngôn ngữ Hmông - Dao

2.1. Nghiên cứu về tộc người Hmông

Về số lượng ấn phẩm, tộc người Hmông luôn nhận được sự quan tâm của nhiều học giả trong và ngoài nước. Theo thống kê chưa đầy đủ tại Thư viện Viện Dân tộc học, đến nay đã có 338 ấn phẩm được công bố hoặc thực hiện, chủ yếu là sách, bài viết trên các tạp chí, luận văn, báo cáo hội thảo khoa học, công trình nghiên cứu cấp Bộ và cấp Cơ sở... kể cả những ghi chép điền dã dân tộc học. Trong đó, có 5 ấn phẩm về người Hmông ở Trung Quốc, 3 ấn phẩm về người Hmông ở Thái Lan và 2 ấn phẩm về người Hmông ở Lào. Nếu tính cả các công trình, bài viết ở một số trường đại học, bảo tàng... thì Bộ môn Nhân học của Trường Đại

học Khoa học xã hội và Nhân văn (KHXH & NV) Hà Nội có 7 ấn phẩm của giảng viên và 28 ấn phẩm của học viên (Lâm Bá Nam và cộng sự, 2013, tr. 21); Trường Đại học Đà Lạt có 2 luận văn thạc sĩ về người Hmông (Cao Thế Trinh, 2013, tr. 38); Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên có 7 luận văn thạc sĩ, 2 khóa luận tốt nghiệp, 12 bài đăng ở các tạp chí, kỷ yếu hội thảo (Nguyễn Thị Quế Loan, 2013, tr. 61); Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam có 20 ấn phẩm (Luu Hùng, 2013, tr. 32); Bảo tàng Văn hóa các dân tộc Việt Nam có 7 ấn phẩm (Ma Ngọc Dung, 2013, tr. 51)... Chưa kể các công trình, bài viết được thực hiện ở các bộ, ngành, các sở thuộc tỉnh, trường đại học, học viện trong cả nước... Rõ ràng, các nghiên cứu và ấn phẩm là sách, báo cáo khoa học, bài viết trên tạp chí, luận văn, luận án... về người Hmông ở nước ta rất phong phú.

Trong số 338 ấn phẩm về người Hmông đang được lưu giữ tại Thư viện Viện Dân tộc học, có 39 ấn phẩm đã được thực hiện từ năm 1979 trở về trước. Còn lại 299 ấn phẩm được thực hiện từ năm 1980 đến nay, trong đó có: 27 cuốn sách; 80 bài đăng trên Tạp chí Dân tộc học; 43 bài đăng trên Tạp chí Dân tộc & Thời đại; 56 bài đăng ở các tạp chí khác; 20 bài đăng trong các kỷ yếu hội thảo hoặc hội nghị thông báo khoa học; còn lại là các tài liệu như báo cáo kết quả nghiên cứu đề tài các cấp, luận án, luận văn thạc sĩ, luận văn cử nhân, báo cáo điền dã dân tộc học...

Nghiên cứu cho thấy, các ấn phẩm trên đã đề cập đến hầu hết các lĩnh vực như nguồn gốc lịch sử tộc người, kinh tế - xã hội, văn hóa... của người Hmông ở nước ta. Song, rất khó tách bạch theo từng lĩnh vực,

¹ Bài viết này đề cập đến rất nhiều ấn phẩm có liên quan đến chủ đề. Tuy nhiên, do dung lượng tạp chí hạn chế nên chúng tôi không liệt kê đầy đủ trong Tài liệu tham khảo. Bạn đọc có thể tham khảo trong Thư viện Viện Dân tộc học.

bởi rất nhiều công trình đề cập tới nhiều mảng vấn đề. Chẳng hạn, sách chuyên khảo về người Hmông đều nói tới nguồn gốc lịch sử tộc người Hmông. Trong khi đó, các bài viết trên tạp chí, báo cáo tại các hội thảo khoa học... chỉ tập trung vào một vấn đề nào đó, như trang phục, ăn uống, tập quán nuôi ngựa... Do đó, việc xác định về nội dung nghiên cứu mà các công trình đề cập cũng chỉ tương đối, ví dụ về nguồn gốc lịch sử tộc người Hmông ở Việt Nam thì hầu như các chuyên khảo đều nói đến; bên cạnh đó, các công trình ấy còn đề cập nhiều lĩnh vực khác như sinh kế truyền thống và biến đổi, văn học nghệ thuật, tôn giáo, tín ngưỡng... Nếu xác định một cách tương đối về nội dung, trong số ấn phẩm tại Thư viện Viện Dân tộc học từ năm 1980 đến nay về người Hmông, có thể chia ra:

- *Về nguồn gốc lịch sử và dân số, địa bàn cư trú tộc người Hmông...*, có 12 ấn phẩm.

- *Về văn hóa vật chất*, có 68 ấn phẩm, trong đó: i) Vấn đề chung của văn hóa vật chất, có 6 công trình; ii) Hoạt động kinh tế, định canh định cư, sử dụng đất đai... - 32; iii) Văn hóa với môi trường và phát triển kinh tế, phát triển cộng đồng - 4; iv) Nghề thủ công gia đình (rèn đúc) - 1; v) Trang phục và nghề dệt - 12; vi) Nhà cửa và các vấn đề liên quan - 6; vii) Âm thực - 7.

- *Về văn hóa xã hội*, có 96 công trình, trong đó: i) Thiết chế xã hội nói chung của người Hmông - 10; ii) Dòng họ và quan hệ dòng họ - 9; iii) Làng bản, luật tục và quy ước cộng đồng - 11; iv) Gia đình và phong tục trong chu kỳ đời người - 28; v) Dân số và chăm sóc sức khỏe, giới - 22; vi) Nghiệm hút và cây thuốc phiện - 7; vii) Du canh du cư và di cư tự do - 9.

- *Về văn hóa tinh thần*, có 93 công trình, trong đó: i) Bản sắc văn hóa nói chung - 7; ii) Văn học - nghệ thuật dân gian - 18; iii) Ca hát, vũ đạo, nhạc dân gian - 14; iv) Ngôn ngữ - 4; v) Lễ hội và tết - 13; vi) Tín ngưỡng, tôn giáo - 37, trong đó về tín ngưỡng - 14, còn lại 23 công trình có nội dung liên quan đến đạo Tin Lành.

Trong số các ấn phẩm còn lại, chỉ một số ấn phẩm với nội dung mang tính giới thiệu chung (gồm các lĩnh vực hoạt động kinh tế, văn hóa vật chất, văn hóa xã hội, phong tục tập quán...); số ít ấn phẩm có nội dung đề cập một số tộc người như Dao, Thái, Khơ-mú..., trong đó có Hmông; số ấn phẩm khác với chủ đề đa dạng hơn như quan hệ dân tộc, tâm lý người Hmông, đào tạo cán bộ người Hmông, giáo dục tiểu học ở nơi vùng cao có học sinh người Hmông, thực hiện chính sách và tình hình an ninh quốc phòng ở vùng người Hmông... Nếu xét về thời gian và nội dung mà các ấn phẩm tập trung đề cập, từ năm 1980 đến năm 1995, chủ yếu về vấn đề định canh định cư, phát triển kinh tế theo hướng thay đổi cơ cấu cây trồng khi cây thuốc phiện bị xóa bỏ, kể cả cai nghiện...; sau 1995 rất nhiều ấn phẩm về tín ngưỡng tôn giáo và sự phát triển Tin Lành ở vùng người Hmông, về tổ chức xã hội truyền thống và di cư tự do ở người Hmông. Tuy nhiên, đến nay, ngoài những công trình đề cập đến sự biến đổi về tín ngưỡng truyền thống và sự xâm nhập đạo Tin Lành vào một bộ phận người Hmông ở nước ta, hầu như chưa có nghiên cứu về biến đổi kinh tế - xã hội ở cộng đồng người Hmông dưới tác động của chính sách dân tộc của Nhà nước, cơ chế kinh tế thị trường và đô thị hóa.

2.2. Nghiên cứu về tộc người Dao

Tộc người Dao ở Việt Nam và một số nước như Trung Quốc, Lào cũng thu hút sự quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu trong và ngoài nước. Theo kết quả tìm kiếm tại Thư viện Viện Dân tộc học và một số thư viện, đến nay đã có 183 ấn phẩm về người Dao. Trong đó, 30 ấn phẩm đã thực hiện từ năm 1979 trở về trước. Còn lại 153 ấn phẩm được công bố hoặc hoàn thành từ năm 1980 tới nay, trong đó có: 24 cuốn chuyên khảo về người Dao, 16 cuốn viết về người Dao và một số dân tộc; 5 luận án; 1 kỷ yếu Hội thảo quốc tế về người Dao; 39 bài trên Tạp chí Dân tộc học; 29 bài trên các tạp chí: Việt Nam Khoa học xã hội, Văn hóa dân gian, Nguồn sáng Dân gian, Khoa học về Phụ nữ, Dân tộc & Thời đại...; còn lại là các công trình nghiên cứu cấp Bộ và cấp Cơ sở, luận văn, báo cáo hội thảo khoa học..., kể cả những ghi chép điền dã tại thực địa. Chưa kể các ấn phẩm được thực hiện tại một số trường đại học và bảo tàng. Cụ thể, Bộ môn Nhân học của Trường Đại học KHXH & NV Hà Nội có 6 ấn phẩm của giảng viên và 33 ấn phẩm của học viên (Lâm Bá Nam và cộng sự, 2013, tr. 21); Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên có 23 nghiên cứu, trong đó 1 sách, 1 đề tài cấp Tỉnh, 6 luận văn thạc sĩ, 4 khóa luận tốt nghiệp, 11 bài trên các tạp chí, kỷ yếu hội thảo (Nguyễn Thị Quế Loan, 2013, tr. 61); Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam có 25 ấn phẩm (Luu Hùng, 2013, tr. 32); Bảo tàng Văn hóa các dân tộc Việt Nam có 9 ấn phẩm (Ma Ngọc Dung, 2013, tr. 51)...

Đối với các ấn phẩm thực hiện từ năm 1980 đến nay về người Dao, số ấn phẩm về mỗi nhóm Dao thì Dao Đỏ - 10; Dao Tiền - 13; Dao Quần Chẹt - 17; Dao Lô Gang (hay

Dao Thanh Phán) - 2; Dao Quần Trắng (hay Dao Họ) - 8; Dao Tuyển (còn gọi là Dao Áo Dài) - 13; Dao Thanh Y - 1; số ấn phẩm còn lại không đề cập đến nhóm Dao cụ thể ở ngay tiêu đề. Riêng các lĩnh vực kinh tế - xã hội và văn hóa mà các công trình đề cập, được thể hiện như sau:

- Về tộc danh, nguồn gốc lịch sử và dân số, địa bàn cư trú của tộc người và vấn đề chung của Dao ở Việt Nam, có 25 công trình.

- Về văn hóa vật chất, có 39 công trình, trong đó: i) Vấn đề chung của văn hóa vật chất - 3; ii) Hoạt động kinh tế và biến đổi - 9; iii) Nghề thủ công gia đình (rèn đúc) - 1; iv) Trang phục và vấn đề liên quan - 16; v) Nhà cửa và các vấn đề liên quan - 8; vi) Âm thực - 2.

- Về văn hóa xã hội, có 49 công trình, trong đó: i) Tổ chức xã hội truyền thống nói chung - 1; ii) Vai trò của già làng, trưởng họ - 1; iii) Làng bản - 2; iv) Gia đình và phong tục trong chu kỳ đời người - 34 (sinh đẻ và nuôi con - 7; lễ cấp sắc - 10; hôn nhân và cưới xin - 9; tang ma - 2; còn lại là về gia đình); v) Dân số, y học cổ truyền và chăm sóc sức khỏe - 9; vi) Di cư tự do - 4.

- Về văn hóa tinh thần, có 30 công trình, trong đó: i) Văn học - nghệ thuật dân gian - 10; ii) Ca hát, vũ đạo, nhạc dân gian - 2; iii) Ngôn ngữ - 2; iv) Lễ hội và tết - 7; v) Tín ngưỡng dân gian - 9.

Còn lại 10 ấn phẩm có nội dung về tâm lý Dao, nhân chủng người Dao, một số sống của thanh niên Dao, tập quán khai thác và sử dụng tài nguyên thiên nhiên... Nhìn chung, nội dung các ấn phẩm về người Dao được thực hiện từ năm 1980 đến nay vẫn chủ yếu đề cập tới các yếu tố truyền thống trong

sinh kế, tập quán xã hội, văn hóa vật chất và tinh thần... của người Dao ở nước ta. Tuy nhiên, so với các ấn phẩm về người Hmông, đã có một số công trình về những biến đổi kinh tế - xã hội, đời sống văn hóa của người Dao ở Việt Nam, cụ thể là có tới 7 nghiên cứu với nội dung về sự biến đổi trong kinh tế - xã hội, giá trị văn hóa, nhà ở, hôn nhân và gia đình..., kể cả lối sống của thanh niên người Dao hiện nay.

2.3. Nghiên cứu về tộc người Pà Thên

Pà Thên đã được nhiều nhà nghiên cứu quan tâm từ trước những năm 80 của thế kỷ XX, song, chưa thỏa đáng bởi theo thống kê chưa đầy đủ, đến nay chỉ có trên 18 ấn phẩm. Trong đó, hầu hết các ấn phẩm trước năm 1980 thường có nội dung thiên về giải thích các mối quan hệ giữa ba tộc người Pà Thên, Hmông và Dao. Ở thời gian này, ấn phẩm là sách không nhiều nhưng đã nêu bật được đặc điểm tộc người Pà Thên trên các lĩnh vực nguồn gốc lịch sử, địa bàn cư trú, thiết chế xã hội, văn hóa vật chất và tinh thần. Điều đó thể hiện rõ trong cuốn *Các dân tộc ít người ở Việt Nam (các tỉnh phía Bắc)* của Viện Dân tộc học (1978), tr. 338-342. Ngoài ra, trong báo cáo đề tài cấp Cơ sở của Viện Dân tộc học (2007) có nhắc đến công trình *Monographie des Pateng et des Na-e* của Bonifacy A. (1908), *Pà-Tên và mối quan hệ Mèo-Dao ở Việt Nam* của Phan Hữu Dật (1973). Chưa kể các bài viết trên Tạp chí Dân tộc học các năm 1974, 1975, 1976, 1977 của các tác giả Việt Bằng, Nông Trung, Nguyễn Khắc Tụng, Trần Mạnh Cát, Trần Hoài Khanh, Võ Hưng, Vũ Xuân Khôi, Vũ Thị Hồng... với nội dung chủ yếu đề cập mối quan hệ tộc người, trang phục và đời sống của người Pà Thên.

Từ năm 1980 đến nay, chủ đề văn hóa và phong tục người Pà Thên tiếp tục được các nhà nghiên cứu khai thác và đi sâu tìm hiểu. Trong đó, văn hóa truyền thống được phản ánh trong các cuốn *Văn hóa phong tục Pà Thên bảo tồn và phát huy* do Ninh Văn Hiệp làm chủ biên (2006), *Văn hóa truyền thống dân tộc Pà Thên* do Nông Quốc Tuấn làm chủ biên (2004). Ngoài việc nêu lên những đặc điểm trong văn hóa vật chất, tổ chức xã hội và văn hóa tinh thần, đề tài cấp Cơ sở Viện Dân tộc học là *Văn hóa người Pà Thên ở Việt Nam: Truyền thống và biến đổi* do Phòng Nghiên cứu các dân tộc thuộc ngôn ngữ Hmông - Dao và Hán - Tạng thực hiện vào năm 2006 và 2007 có đề cập những biến đổi về văn hóa Pà Thên ở Việt Nam. Bên cạnh đó, theo mạch chung nghiên cứu về người Pà Thên, các chủ đề liên quan đến trang phục, nhà cửa, chu kỳ đời người, sinh kế, ăn uống... vẫn đang tiếp tục giới thiệu trên một số tạp chí như Tạp chí Dân tộc học, Nguồn sáng dân gian, Dân tộc & thời đại...

Có thể thấy, các nghiên cứu về tộc người Pà Thên còn ít. Nếu thống kê số lượng ở Thư viện Viện Dân tộc học, hiện nay chỉ có khoảng 4 đầu sách, 1 báo cáo hội thảo, 1 báo cáo đề tài cấp Cơ sở, 11 bài tạp chí và 1 luận văn thạc sĩ Văn hóa học. So sánh với hai tộc người Dao và Hmông, tư liệu nghiên cứu về tộc người Pà Thên quá ít. Điều đó dễ hiểu vì dân số người Pà Thên ít hơn và cư trú chủ yếu ở hai tỉnh Hà Giang và Tuyên Quang. Song, về dân số, hầu như mỗi tài liệu lại đưa ra một con số khác biệt giữa hai địa bàn có người Pà Thên cư trú. Chẳng hạn, ở Chiêm Hóa (Tuyên Quang) đôi khi tính cả người Pà Thên và người Thủy làm một thì số lượng sẽ tăng lên. Những khía cạnh về sinh

kế, giáo dục, hôn nhân và gia đình, kể cả các nghi lễ trong đời sống tinh thần tộc người Pà Thẻn cũng chưa được nghiên cứu sâu. Đây là khoảng trống đáng lưu ý cho những nhà nghiên cứu tiếp tục làm rõ thêm.

3. Tình hình nghiên cứu về các tộc người thuộc ngôn ngữ Hán

3.1. Nghiên cứu về tộc người Hoa

Đến nay, các ấn phẩm về tộc người Hoa vẫn rất ít. Qua thống kê của một số trường đại học và bảo tàng như: Bộ môn Nhân học của Trường Đại học KHXH & NV Hà Nội không có ấn phẩm nghiên cứu về người Hoa; Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên cũng chưa có nghiên cứu về tộc người này; Trường Đại học Đà Lạt có 2 ấn phẩm, trong đó 1 luận văn thạc sĩ về người Hoa ở Lâm Đồng và 1 đề tài nghiên cứu về người Hoa ở Ninh Thuận; duy nhất ở Trường Đại học KHXH & NV TP. Hồ Chí Minh có 14 nghiên cứu, trong đó 4 luận án tiến sĩ, nhưng đáng lưu ý là chỉ riêng giảng viên Phan Thị Yến Tuyết đã có tới 8 công trình về người Hoa (Nguyễn Văn Tiệp, 2013, tr. 25). Còn ở bảo tàng thì duy nhất Bảo tàng Văn hóa các dân tộc Việt Nam có 1 nghiên cứu về lễ hội tộc người Hoa (Ma Ngọc Dung, 2014, tr. 52).

Tuy nhiên, theo thống kê chưa đầy đủ tại Thư viện Viện Dân tộc học cũng như ở một số thư viện khác, đến nay có trên 52 ấn phẩm với nội dung đề cập đến hoạt động kinh tế và văn hóa người Hoa. Trong đó, chỉ 1 ấn phẩm của Nguyễn Văn Huy công bố vào năm 1973, các ấn phẩm còn lại được thực hiện từ năm 1980, nhất là sau năm 1990 đến nay. Trong đó, có 26 ấn phẩm là sách, 2 luận án tiến sĩ và 2 luận văn thạc sĩ, 14 bài

viết trên các tạp chí (Tạp chí Dân tộc học và Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á), số còn lại đăng trong kỷ yếu hội thảo khoa học. Riêng các lĩnh vực mà các ấn phẩm trên đề cập, có thể chia ra như: i) Các mảng văn hóa, kể cả nguồn gốc lịch sử tộc người Hoa, chủ yếu là văn hóa truyền thống - 16 công trình; ii) Định cư, dân số và phát triển cộng đồng người Hoa - 3; iii) Hoạt động kinh doanh và kinh tế thương mại - 17; iv) Xã hội và tổ chức xã hội - 2; v) Tín ngưỡng, lễ hội, ăn uống - 9; vi) Giao lưu và hội nhập - 3; vii) Chính sách nhà nước phong kiến Việt Nam đối với người Hoa - 1; viii) Đấu tranh cách mạng và xây dựng tỉnh Phú Yên của người Hoa - 1.

Rõ ràng, từ năm 1980 đến nay, nghiên cứu về tộc người Hoa ở Việt Nam có khá nhiều ấn phẩm đề cập đến kinh doanh và hoạt động thương mại, không chỉ là điểm nổi bật mà còn là đặc trưng vốn có của tộc người Hoa ở nhiều nước trên thế giới. Ngoài ra, nghiên cứu chung về đặc điểm người Hoa, từ truyền thống đến hiện đại trên các lĩnh vực văn hóa cũng thu hút được nhiều học giả, nhất là các nhà dân tộc học/nhân học là người Việt Nam. Trong khi đó, nghiên cứu về tín ngưỡng và lễ hội của người Hoa có số lượng ấn phẩm đáng kể so với tổng số ấn phẩm đã thu thập được. Đặc biệt, số nghiên cứu về quá trình giao lưu hội nhập của người Hoa lại nhiều hơn số nghiên cứu về xã hội và tổ chức xã hội của tộc người này. Nói chung, các nghiên cứu đã chú trọng đến thế mạnh ở người Hoa là kinh doanh, thương mại, lễ hội cùng với sự phát triển mạng lưới kinh doanh và hội nhập văn hóa của tộc người này.

3.2. Nghiên cứu về tộc người Sán Dìu

Tộc người Sán Dìu cũng dành được sự quan tâm của một số học giả, đặc biệt là nhà nghiên cứu Diệp Trung Bình - người Sán Dìu. Theo kết quả thu thập chưa đầy đủ, đến nay đã có trên 28 ấn phẩm viết về người Sán Dìu. Ngoài ra, riêng Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên có 26 ấn phẩm của giảng viên và sinh viên, trong đó có 1 luận án, 2 đề tài nghiên cứu cấp Bộ, 5 luận văn thạc sĩ, 5 luận văn cử nhân, 13 bài viết trong các tạp chí, kỷ yếu hội thảo khoa học (Nguyễn Thị Quế Loan, 2013, tr. 62); trong khi ở Bộ môn Nhân học của Trường Đại học KHXH & NV Hà Nội và Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam chưa có công trình nào; tại Bảo tàng Văn hóa các dân tộc Việt Nam có 3 ấn phẩm, gồm 1 ấn phẩm nghiên cứu về nghi lễ liên quan đến chu kỳ đời người Sán Dìu, 1 ấn phẩm khác về ẩm thực của tộc người Sán Dìu (Ma Ngọc Dung, 2013, tr. 52)... Tuy vậy, có một số ấn phẩm về người Sán Dìu tại Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên có thể trùng lặp với số liệu mà chúng tôi thu thập được là 28 ấn phẩm, do có một vài bài viết công bố trên Tạp chí Dân tộc học. Vì thế, dưới đây, chúng tôi chỉ phân tích về nội dung nghiên cứu của các công trình mà chúng tôi thu thập được.

Trong số 28 ấn phẩm, ngoài 3 ấn phẩm được thực hiện từ năm 1979 trở về trước của tác giả Ma Khánh Bằng, có 4 chuyên khảo về người Sán Dìu, 5 cuốn sách về người Sán Dìu và vài tộc người láng giềng, 1 luận án tiến sĩ, 1 luận văn thạc sĩ, 8 bài Tạp chí Dân tộc học, 7 bài kỷ yếu Hội nghị khoa học. Nội dung số ấn phẩm thực hiện từ năm 1980 đến nay gồm: i) Các mảng văn hóa và nguồn gốc lịch sử tộc người Sán Dìu, chủ yếu là văn

hóa truyền thống - 8 công trình; ii) Đô thị hóa và người Sán Dìu - 1; iii) Văn hóa ẩm thực và ăn uống - 5; iv) Gia đình và nghi lễ trong chu kỳ đời người - 6; v) Văn hóa tinh thần nói chung - 1; vi) Tín ngưỡng dân gian - 1; vii) Văn học dân gian - 2; viii) Lễ hội - 1.

Các nội dung thể hiện trong các ấn phẩm về tộc người Sán Dìu ở nước ta cho thấy, đến nay chưa có ấn phẩm nào nghiên cứu về những biến đổi kinh tế - xã hội, văn hóa của tộc người này. Bên cạnh đó, cũng thiếu vắng những nghiên cứu sâu về các mảng văn hóa vật chất, thiết chế xã hội truyền thống và ca, múa, nhạc của tộc người Sán Dìu.

3.3. Nghiên cứu về tộc người Ngái

Có thể nói, số ấn phẩm về tộc người Ngái rất ít ỏi. Tại Thư viện Viện Dân tộc học chỉ có 4 ấn phẩm về người Ngái được thực hiện trước năm 1979. Trong cuốn *Các dân tộc ít người ở Việt Nam (các tỉnh phía Bắc)* của Viện Dân tộc học (1978) có nhắc đến người Ngái là một nhóm địa phương của tộc người Hoa; về tư liệu Tạp chí có bài viết của các tác giả Việt Bằng, Diệp Trung Bình, Thi Nhị với nhan đề “*Người Hoa, người Ngái ở Việt Nam và âm mưu của chủ nghĩa bá quyền Trung Quốc*” đăng trên Tạp chí Dân tộc học số 2/1979. Bài viết này đã đưa ra nhận xét về ý thức tự giác tộc người và ý thức quốc gia dân tộc của người Hoa và người Ngái trước âm mưu chống phá của nhà cầm quyền Bắc Kinh lúc bấy giờ. Ngoài ra, trong Thông báo Dân tộc học năm 1972, Nguyễn Trúc Bình với bài viết “*Về tộc danh Đản, Sín trong nhóm người Hoa ở vùng ven biển Quảng Ninh*” cho rằng nhóm địa phương của tộc Hoa bao gồm Đản và Sín. Trong đó, Đản là tộc danh chỉ những người

Hoa làm nghề đánh cá và sinh sống trên thuyền, còn Sín là nhóm sống ở ven sông và canh tác ruộng nước...

Từ năm 1980 đến nay, chỉ cuốn “*Địa chí Thái Nguyên*” (2009) dành 20 trang viết về người Ngái ở Thái Nguyên. Qua đó, người Ngái được giới thiệu khái quát về dân số, phân bố dân cư, hoạt động kinh tế, tổ chức xã hội, văn hóa vật chất và tinh thần. Như vậy, khi công nhận là tộc người Ngái từ năm 1979 đến nay đã hơn 30 năm, đời sống kinh tế - xã hội người Ngái đã có nhiều biến đổi. Song, vẫn chưa có chuyên khảo về tộc người này ở Việt Nam. Trong cuốn *Địa chí Thái Nguyên* mới nói đến người Ngái ở Thái Nguyên và viết dưới dạng mô tả về các yếu tố truyền thống. Trong khi đó, người Ngái ở nước ta luôn biến động về dân số theo điều tra từng năm. Chẳng hạn, qua Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 1999, người Ngái ở Việt Nam là 4.841 người, nhưng theo Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009 chỉ còn 1.035 người. Lý do có thể họ nhập vào người Hoa hoặc nhập vào các tộc Nùng, Sán Dìu... (?)

4. Tình hình nghiên cứu về các tộc người thuộc nhóm ngôn ngữ Tạng - Miến

Qua các ấn phẩm đã thu thập được, nghiên cứu về các tộc người thuộc nhóm ngôn ngữ Tạng - Miến có số lượng không nhiều. Nguyên nhân có thể do các tộc người này sinh sống ở vùng sâu vùng biên giới, đi lại khó khăn... Vì vậy, số công trình được thực hiện đối với mỗi tộc người cũng khác biệt, trong đó số ấn phẩm nhiều nhất thuộc về tộc người Hà Nhì.

4.1. Nghiên cứu về tộc người Hà Nhì

So với các tộc người thuộc ngôn ngữ Tạng - Miến, tộc người Hà Nhì thu hút được khá nhiều nghiên cứu. Cụ thể, tại Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam đã có 4 ấn phẩm (Luu Hùng, 2013, tr. 32); Bảo tàng Văn hóa các dân tộc Việt Nam có 1 ấn phẩm về trang phục các tộc người Hà Nhì, Phù Lá, Cống, Si La (Ma Ngọc Dung, 2013, tr. 52), trong khi ở Bộ môn Nhân học của Trường Đại học KHXH & NV Hà Nội cũng như Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên chưa có ấn phẩm nào. Song, theo kết quả thu thập chưa đầy đủ, đến nay đã có trên 39 ấn phẩm đề cập đến người Hà Nhì ở nước ta, trong đó 4 ấn phẩm được thực hiện trước năm 1979 bởi các tác giả Nguyễn Văn Huy, Nguyễn Đình Khoa, Nông Trung...

Trong số 35 công trình được thực hiện từ năm 1980 đến nay, có 5 công trình chuyên về người Hà Nhì, trong đó có 2 báo cáo đề tài cấp Bộ; 9 cuốn sách về tộc người Hà Nhì và một số tộc người khác; 18 bài viết trên một số tạp chí, trong đó có 15 bài chuyên về người Hà Nhì, 3 bài còn lại viết về người Hà Nhì và vài tộc người khác; số còn lại là tài liệu ghi chép về người Hà Nhì. Về những nội dung được đề cập trong các công trình, được thể hiện như sau: i) Khảo cứu chung về văn hóa, kể cả nhân chủng - 11 công trình; ii) Quan hệ dân tộc trên các lĩnh vực - 1; iii) Hoạt động kinh tế truyền thống và tri thức liên quan - 5; iv) Dân số và phân bố cư trú - 1; v) Nhà ở và trang phục - 3 (nhà ở - 2, trang phục - 1); vi) Làng bản - 1; vii) Nghi lễ gia đình - 1; viii) Văn học dân gian - 6; ix) Lễ hội và tết - 5; x) Sử dụng song ngữ - 1.

Kết quả phân loại các vấn đề được nghiên cứu trong các ấn phẩm về tộc người Hà Nhì từ năm 1980 đến nay cho thấy, hầu hết các ấn phẩm ấy đều mang tính khảo cứu, giới thiệu về văn hóa truyền thống của người Hà Nhì. Do đó, trong bối cảnh hiện nay, rất cần nhiều nghiên cứu về sự biến đổi kinh tế - xã hội và văn hóa, nhất là các mối quan hệ giao lưu, hội nhập trong hoạt động kinh tế, văn hóa vật chất, tổ chức xã hội... của tộc người Hà Nhì.

4.2. Nghiên cứu về tộc người Phù Lá

Các nghiên cứu về người Phù Lá với số lượng ít. Qua tra cứu tại Thư viện Viện Dân tộc học chỉ có 35 ấn phẩm, chưa kể các bài viết đăng tải trên các tạp chí khoa học hoặc được lưu giữ ở thư viện khác. Đến nay, ở Bộ môn Nhân học của Trường Đại học KHXH & NV Hà Nội và Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên vẫn chưa có nghiên cứu nào, trong khi ở Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam có 6 công trình (Luu Hùng, 2013, tr. 32), Bảo tàng Văn hóa các dân tộc Việt Nam có 1 ấn phẩm về văn hóa người Phù Lá (Ma Ngọc Dung, 2013, tr. 52).

Trong số 35 ấn phẩm về người Phù Lá ở Việt Nam mà chúng tôi thu thập được, có 5 ấn phẩm thực hiện từ năm 1979 trở về trước. Còn lại, trong 30 ấn phẩm được thực hiện từ năm 1980 đến nay có: 1 chuyên khảo về truyện cổ và 1 chuyên khảo về văn hóa vật chất của người Phù Lá, 10 cuốn sách về văn hóa người Phù Lá và một số tộc người, 1 luận án tiến sĩ, 2 luận văn thạc sĩ, 1 luận văn cử nhân, 5 bài trên Tạp chí Dân tộc học, 3 bài trên các tạp chí khác, số còn lại công bố trong kỷ yếu hội thảo và hội nghị thông báo khoa học. Về các mảng văn hóa mà các

ấn phẩm đề cập, được thể hiện như: i) Dân số, nhân chủng, nguồn gốc lịch sử và khảo cứu chung về đặc điểm văn hóa tộc người - 11; ii) Văn hóa vật chất nói chung - 6; iii) Gia đình và nghi lễ gia đình - 3; iv) Tín ngưỡng dân gian và nghi lễ - 5; v) Ngôn ngữ, văn học và nghệ thuật dân gian - 4; vi) Văn hóa người Phù Lá trong nền văn hóa các dân tộc láng giềng - 1.

Qua kết quả nhận định các lĩnh vực văn hóa được thể hiện trong các ấn phẩm về người Phù Lá đã thực hiện từ năm 1980 đến nay, có thể thấy, hầu hết các ấn phẩm ấy chỉ đề cập tới các đặc điểm truyền thống, đặc biệt là số ấn phẩm về văn hóa vật chất cũng như các lĩnh vực văn nghệ dân gian nhiều hơn, kể cả về tín ngưỡng. Điều này có nghĩa, chưa có nghiên cứu chuyên sâu về sinh kế truyền thống và biến đổi của tộc người Phù Lá, nhất là về sự biến đổi trong các thành tố văn hóa, xã hội kể từ khi đổi mới đất nước năm 1986 đến nay.

4.3. Nghiên cứu về tộc người Lô Lô

Cho tới nay, người Lô Lô ở Việt Nam vẫn còn ít được nghiên cứu, bởi theo thống kê của chúng tôi chỉ có 31 công trình. Trong đó, tại Bộ môn Nhân học của Trường Đại học KHXH & NV Hà Nội, chỉ có 1 ấn phẩm (Lâm Bá Nam và cộng sự, 2013, tr. 21), ở Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên và Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam cũng như Bảo tàng Văn hóa các dân tộc Việt Nam đều chưa có nghiên cứu nào về người Lô Lô.

Trong số 31 ấn phẩm mà chúng tôi thu thập được, có 7 ấn phẩm đã thực hiện từ năm 1979 về trước. Vì vậy, từ năm 1980 đến nay, chỉ có 24 ấn phẩm như: 1 cuốn sách về các lĩnh vực văn hóa Lô Lô, 1 chuyên khảo về

truyện cổ Lô Lô, 9 cuốn sách đề cập đến văn hóa Lô Lô và một số tộc người khác, 2 báo cáo đề tài cấp Bộ, 2 luận văn cử nhân, 6 bài Tạp chí Dân tộc học, 3 bài đăng trong kỷ yếu hội nghị khoa học. Riêng lĩnh vực văn hóa mà các ấn phẩm đề cập, có thể chia ra: i) Nguồn gốc lịch sử tộc người và đặc điểm văn hóa nói chung - 12; ii) Văn hóa vật chất (nhà ở và trang phục) - 4; iii) Nghi lễ vòng đời người - 4; iv) Truyện cổ dân gian, dân ca, nhạc khí (trống đồng) - 4.

Với số lượng ấn phẩm và lĩnh vực văn hóa mà các ấn phẩm đề cập, chứng tỏ rằng, từ năm 1980 đến nay, việc điều tra, nghiên cứu về người Lô Lô ít được thực hiện. Trong đó, cuốn *Dân tộc Lô Lô ở Việt Nam* chỉ được viết dưới dạng khảo tả các đặc điểm văn hóa truyền thống, song vẫn chưa chi tiết khi đề cập đến văn hóa tinh thần. Hai báo cáo đề tài cấp Bộ, nhất là đề tài “*Quan hệ tộc người của người Lô Lô trong bối cảnh phát triển kinh tế - xã hội vùng biên giới Việt - Trung hiện nay*” tuy có đề cập đến biến đổi về kinh tế - xã hội và văn hóa của người Lô Lô, nhưng chỉ tập trung vào những biến đổi dưới sự tác động của cơ chế thị trường và các mối quan hệ qua biên giới Việt - Trung, chưa làm rõ những thay đổi trong cơ cấu cây trồng, vật nuôi cũng như sự mai một văn hóa tộc người do đô thị hóa và quá trình giao lưu, hội nhập.

4.4. Nghiên cứu về các tộc người La Hủ, Cống, Si La

4.4.1. Nghiên cứu về tộc người La Hủ

Đối với tộc người La Hủ, theo kết quả tìm kiếm chưa đầy đủ, đến nay đã có trên 27 ấn phẩm. Trong đó, có 7 ấn phẩm đã thực hiện từ năm 1979 trở về trước và 4 ấn phẩm của học giả Trung Quốc viết về người La Hủ

ở Trung Quốc do Vân Nam Nhân dân xuất bản xã ấn hành. Như vậy, chỉ còn 16 ấn phẩm về người La Hủ ở Việt Nam đã thực hiện từ năm 1980 đến nay. Trong đó, có 1 chuyên khảo công bố năm 2000 do Khổng Diễn làm chủ biên được coi là cuốn sách đầu tiên thể hiện đầy đủ các khía cạnh văn hóa của người La Hủ ở nước ta. Các ấn phẩm khác có nội dung thể hiện như sau: i) Nguồn gốc lịch sử, dân số và sự phân bố cư trú tộc người - 2; ii) Giới thiệu chung về đặc điểm tộc người - 6; iii) Hoạt động kinh tế truyền thống - 2; iv) Văn hóa vật chất (nhà ở và trang phục) - 2; v) Xã hội truyền thống - 1; vi) Cưới xin - 1; vii) Văn học dân gian (truyền thuyết) - 1.

4.4.2. Nghiên cứu về tộc người Cống

Khác với tộc người La Hủ, nghiên cứu về tộc người Cống vẫn chưa thu hút được nhiều học giả. Theo thống kê của chúng tôi, từ năm 1980 đến nay, chỉ có trên 10 ấn phẩm đề cập đến văn hóa của người Cống ở nước ta. Trong đó, có một đề tài cấp Bộ “*Quan hệ dân tộc Cống, Hà Nhì thuộc nhóm ngôn ngữ Tạng Miến ở Việt Nam*” được thực hiện nghiên cứu so sánh đặc điểm văn hóa giữa tộc người Cống và tộc Hà Nhì ở nước ta; công trình “*Lễ hội dân gian các dân tộc thiểu số tỉnh Điện Biên*” do Đặng Thị Oanh làm chủ biên (2013) có miêu thuật về 4 nghi lễ của người Cống ở tỉnh Điện Biên; cuốn sách “*Lai Châu và các dân tộc tỉnh Lai Châu*” do Hạnh Liên làm chủ biên (2007) cũng đề cập khái quát về người Cống; trong cuốn “*Dân số và dân số tộc người ở Việt Nam*” của Khổng Diễn (1995) đã nêu lên đặc điểm dân số và sự phân bố cư trú của tộc người Cống ở nước ta; các ấn phẩm khác như “*Đại gia đình các dân tộc Việt Nam*”

của Nguyễn Khắc Tụng và Ngô Vĩnh Bình (1981); “*Bộ đội cần biết về các dân tộc ở biên giới phía Bắc*” của các tác giả Đặng Nghiêm Vạn, Hoàng Hoa Toàn, Ngô Vĩnh Bình, Đặng Văn Hường (1983)... cũng đã giới thiệu những nét chung về đặc điểm văn hóa của người Cống ở Việt Nam.

Ngoài ra, một số ấn phẩm khác đã công bố như: “*Bước đầu tìm hiểu văn hóa dân tộc Cống*” của Phạm Huy (1998), “*Văn hóa các tộc người nhóm ngôn ngữ Tạng Miến*” do Hoàng Tuấn Cư làm chủ biên (2008)... cũng đề cập khái quát về đặc điểm văn hóa của người Cống. Đặc biệt, trong cuốn ghi chép điền dã “*Bước đầu tìm hiểu văn hóa dân tộc Cống*” của Phạm Huy (1998) còn có cả những hình ảnh do chính tác giả chụp tại thực địa để minh họa.

4.4.3. Nghiên cứu về tộc người Si La

Có thể nói, tộc người Si La tuy có dân số dưới 1.000 nhân khẩu, nhưng đã có một số nghiên cứu gần tương đương với số lượng ấn phẩm đã thực hiện về tộc người Cống. Theo thống kê chưa đầy đủ, từ năm 1980 đến nay, đã có khoảng hơn 10 ấn phẩm về tộc người Si La ở Việt Nam. Trong đó, đáng chú ý vẫn là cuốn chuyên khảo công bố năm 2001 do Khổng Diễn làm chủ biên. Đây là chuyên khảo đầu tiên nghiên cứu khá đầy đủ về các lĩnh vực văn hóa của người Si La ở Việt Nam, bao gồm nguồn gốc lịch sử tộc người, dân số, hoạt động kinh tế truyền thống, văn hóa vật chất, văn hóa tổ chức xã hội và văn hóa tinh thần.

Riêng các ấn phẩm khác có nội dung đề cập đến các lĩnh vực văn hóa của tộc người Si La thì được phân chia như: i) Giới thiệu chung về văn hóa Si La - 1 công trình

của Ma Ngọc Dung (2000); ii) Dân số và phân bố cư trú tộc người Si La - 1 công trình của Khổng Diễn (1995); iii) Hoạt động kinh tế truyền thống - 1 công trình của Trần Bình (2001) viết về một số tộc người ở Tây Bắc, trong đó có tộc người Si La; iv) Nhà ở - 1 công trình viết về nhà ở các dân tộc ở Việt Nam, trong đó có tộc người Si La của Nguyễn Khắc Tụng (1994); v) Trang phục - 1 công trình của Lê Ngọc Quyền (2000) đăng trên Tạp chí Dân tộc học, số 2/2010; vi) Lễ hội - 1 công trình giới thiệu về lễ hội của một số tộc người ở tỉnh Điện Biên, trong đó có giới thiệu về lễ cúng bản và cúng cơm mới của tộc người Si La do Đặng Thị Oanh làm chủ biên (2013).

Ngoài ra, tộc người Si La ở nước ta còn được thể hiện trong những công trình về một số dân tộc đã được trình bày ở trên. Cụ thể là: “*Các dân tộc thiểu số trong sự phát triển kinh tế xã hội ở miền núi*” do Bế Viết Đăng làm chủ biên (1996); “*Đại gia đình dân tộc Việt Nam*” của Nguyễn Khắc Tụng và Ngô Vĩnh Bình (1981); “*Bộ đội cần biết về các dân tộc ở biên giới phía Bắc*” của Đặng Nghiêm Vạn và cộng sự (1983); *Các dân tộc ở Việt Nam (dẫn liệu Nhân học - Tộc người)* của Nguyễn Đình Khoa (1983), Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội... Chưa kể những bài viết đăng trên các tạp chí khác mà chúng tôi chưa có điều kiện tra cứu.

Một vài nhận xét

- Từ năm 1980 tới nay, ngoài tộc người Ngái, hầu hết mỗi tộc người thuộc nhóm ngôn ngữ Hmông - Dao và Hán - Tạng đều có những ấn phẩm riêng với những mức độ khác nhau về số lượng cũng như khía cạnh văn hóa được đề cập. Trong đó, các tộc

người Hmông, Dao, Hoa và Hà Nhì đều có trên 30 ấn phẩm đề cập đến nhiều yếu tố văn hóa của họ, đặc biệt là tộc người Hmông đã có trên 300 ấn phẩm, trong khi tộc người Dao có trên 180 ấn phẩm. Trong số các tộc người còn lại, bên cạnh tộc người Ngái chưa có ấn phẩm riêng, tộc người Cống cũng với số lượng ấn phẩm rất ít, nhất là chưa có chuyên khảo giới thiệu sâu về các lĩnh vực văn hóa của tộc người này, riêng các tộc người khác đều có khoảng 10 ấn phẩm trở lên.

- Về nội dung thể hiện trong các ấn phẩm, tùy theo bối cảnh và giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội của đất nước cũng như mức độ hội nhập và phát triển của địa phương, mỗi tộc người đều có những thế mạnh và khía cạnh văn hóa thu hút được sự chú ý của các nhà nghiên cứu. Chẳng hạn, tộc người Hmông, dưới tác động của chính sách xóa bỏ cây thuốc phiện từ cuối những năm 80 của thế kỷ XX đã thu hút được nhiều nghiên cứu về vấn đề này mà trước đó hầu như ít có, đặc biệt là nghiên cứu về vấn đề định canh định cư, ổn định đời sống người Hmông; sau đó, do một bộ phận người Hmông bị ảnh hưởng đạo Tin Lành và di tản ra di cư tự do nên đã làm cho số công trình nghiên cứu về lĩnh vực này tăng lên đáng kể. Còn ở các tộc người khác, ví dụ như người Hoa thì rất nhiều nghiên cứu tập trung vào hoạt động kinh doanh, thương mại và mạng lưới xã hội tộc người có liên quan... vì đây không chỉ là thế mạnh mà còn là đặc điểm chỉ có ở tộc người Hoa. Riêng các tộc người khác, hầu hết các công trình đều có nội dung tìm hiểu về đặc điểm văn hóa tộc người trên các lĩnh vực với những mức độ tùy theo cách nhìn nhận và sự quan tâm của mỗi nhà nghiên cứu.

- Vấn đề đáng lưu ý ở chỗ, ở mỗi tộc người, nhất là những tộc người có nhiều học giả quan tâm nghiên cứu như Hmông, Dao, Hoa, Hà Nhì... tuy đã một số công trình đề cập đến sự biến đổi văn hóa ở khía cạnh này hay khía cạnh kia. Song, khi nhìn nhận chung, hầu như chưa có những nghiên cứu đáng kể về những biến đổi kinh tế - xã hội, văn hóa tộc người dưới sự tác động ngày càng mạnh mẽ bởi cơ chế thị trường, đô thị hóa, toàn cầu hóa và hội nhập. Có nghĩa là, hầu hết các nghiên cứu thông qua các ấn phẩm về các tộc người thuộc ngôn ngữ Hmông - Dao và Hán - Tạng đã được thực hiện từ năm 1980 đến nay đều quan tâm chủ yếu tới những đặc điểm truyền thống của tộc người. Đây cũng là điều dễ hiểu, bởi sau 15 và trên 20 năm nữa, chắc chắn các yếu tố truyền thống ở mỗi tộc người sẽ có những thay đổi lớn lao so với hiện nay, thậm chí có nhiều khía cạnh văn hóa sẽ thay đổi theo xu hướng phổ thông và hiện đại. Tuy nhiên, nghiên cứu về tộc người cần gắn kết với sự phát triển của tộc người ấy, tức nghiên cứu sâu và toàn diện không chỉ về các yếu tố truyền thống trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội, văn hóa của tộc người mà cả những biến đổi của các lĩnh vực ấy thì mới có đủ và đáng tin cậy về luận cứ khoa học để đề xuất những giải pháp phù hợp nhằm định hướng sự phát triển nhanh và bền vững cho mỗi tộc người, đồng thời thấy được các yếu tố văn hóa truyền thống tốt đẹp cần duy trì và duy trì như thế nào... Đó cũng là vấn đề đặt ra cho các nghiên cứu tiếp theo trên cơ sở kế thừa những thành quả đã đạt được của các nhà khoa học tính từ năm 1980 đến nay đối với các tộc người thuộc nhóm ngôn ngữ Hmông - Dao và Hán - Tạng.

Tài liệu tham khảo

1. Ma Ngọc Dung (2013), “Nghiên cứu về tộc người tại Bảo tàng Văn hóa các dân tộc Việt Nam”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 1&2 (180), tr. 49-57.

2. Lưu Hùng (2013), “Tình hình nghiên cứu về các tộc người ở Việt Nam của Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam (1996 - 2012)”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 1&2 (180), tr. 30-36.

3. Nguyễn Thị Quế Loan (2013), “Công tác nghiên cứu khoa học và các kết quả nghiên cứu về tộc người của Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 1&2 (180), tr. 58-63.

4. Lâm Bá Nam và cộng sự (2013), “Nghiên cứu và giảng dạy về tộc người ở Bộ

môn Nhân học”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 1&2 (180), tr. 15-23.

5. Nguyễn Văn Tiếp (2013), “Nghiên cứu về tộc người của Khoa Nhân học, Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn, Đại học quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh: Những kết quả và định hướng nghiên cứu”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 1&2, tr. 24-29.

6. Vương Xuân Tình (2013), “Nghiên cứu về tộc người ở Việt Nam từ năm 1980 đến nay: Bước đầu nhận diện”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 1&2, tr. 7-14.

7. Cao Thế Trình (2013), “Nghiên cứu về tộc người ở Đại học Đà Lạt (1982 - 2012): Những kết quả bước đầu”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 1&2 (180), tr. 37-40.



Dệt thổ cẩm của người Dao Đỏ ở huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang

Ảnh: Mộc Miên